| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN Đ**<br>**TỈNH LÂM ĐỒNG**<br>Số: 08/2023/HNGĐ-ST<br>Ngày: 05/5/2023<br>V/v " *Ly hôn*" | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ**
**TỈNH LÂM ĐỒNG**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà **Đỗ Thị Thúy Phượng**
- *Các Hội thẩm nhân dân*: - Bà **Nguyễn Thị Bé**
- Ông **Trần Đức Phát**

- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa*: Bà **Nguyễn Thị Minh Nguyệt** là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên tòa*: Bà **Nguyễn Thị Yến** - Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 05 tháng 5 năm 2023, Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng mở phiên Tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 02/2023/TLST-HNGĐ ngày 06/01/2023 về việc "*Ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 30/3/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2023/QĐST-HNGĐ ngày 17/4/2023, Thông báo về việc thay đổi thời gian mở lại phiên tòa số 03/TB-TA ngày 19/4/2023 giữa các đương sự:

* <u>*Nguyên đơn*</u>: Bà **Rơ Ông K'Hòa.** sinh năm: 1993

Địa chỉ: Thôn 3, xã R, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Có mặt

* <u>*Bị đơn*</u>: Ông **Liêng Jrang Ha Yah**. Sinh năm 1992

Địa chỉ: Thôn 3, xã R, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do.

* <u>*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*</u>: **Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam**

Trụ sở: Số 169, phố Linh Đường, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết Thắng; Chức vụ: Tổng giám đốc;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Bạch Văn Trường; chức vụ: Giám đốc phòng giao dịch ngân hàng chính sách xã hội huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**:

* ***Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa của nguyên đơn bà Rơ H trình bày thì***:

Bà và ông Liêng Y sau một thời gian quen biết tìm hiểu nhau được 4 tháng thì tiến tới hôn nhân, hôn nhân của ông bà là hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc. Ông bà có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã R, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng vào ngày 19/02/2013. Sau khi kết hôn hai vợ chồng sống chung với nhau tại R, huyện Đ cho đến nay, nhưng trong thời gian chung sống thì vợ chồng không được hạnh phúc. Nguyên nhân là do ông Y thường xuyên rượu chè, đánh đập, xúc phạm danh dự, nhân phẩm của bà mà trong khi bà không có lỗi mặc dù bà đã rất cố gắng nhưng ông Y vẫn không thay đổi. Hiện nay ông Y thường xuyên vắng nhà, ông bà không còn chung sống với nhau nữa hơn một năm. Nay bà nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài vì vậy bà yêu cầu Tòa án xem xét cho bà được ly hôn với ông Liêng Y.

Về con chung: bà và ông Ycó 04 con chung là cháu Rơ A, sinh ngày 19/11/2013, cháu Rơ B, sinh ngày 30/6/2016, cháu Rơ C sinh ngày 20/5/2018 và cháu Rơ D sinh ngày 27/3/2021. Khi ly hôn bà có nguyện vọng nhận nuôi bốn con chung và không yêu cầu ông Y cấp dưỡng nuôi con. Công việc hiện nay của bà là làm nông, ngoài ra bà còn làm rất nhiều công việc khác, thu nhập trung bình 10.000.000 đồng/ tháng nên bà có đủ điều kiện để nuôi dưỡng các con phát triển tốt.

Tài sản chung: hai bên tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết nếu sau này phát sinh tranh chấp sẽ yêu cầu giải quyết bằng vụ kiện khác.

Về nợ chung: Hai vợ chồng có vay Ngân hàng chính sách xã hội huyện Đ số tiền 120.000.000 đồng. Nếu ly hôn, bà yêu cầu Tòa án giải quyết mỗi người có trách nhiệm trả ½ số nợ cho Ngân hàng và lãi suất phát sinh.

Ngoài ra, bà không yêu cầu hay trình bày gì thêm.

**** Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành triệu tập ông Liêng Y nhưng ông Y không chấp hành, không đến làm việc theo giấy triệu tập của Tòa án.***

**** Theo lời trình bày của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam – Phòng giao dịch ngân hàng chính sách xã hội huyện Đ trong quá trình giải quyết vụ án thì:***

Ngày 12/4/2021 bà Rơ H và ông Liêng Y vay NHCSXH chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn với số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) theo Khế ước nhận nợ số 6600000720231566, hạn trả vào ngày 12/4/2026.

Ngày 28/10/2022 bà Rơ H và ông Liêng Y vay NHCSXH chương trình Dân tộc thiểu số và miền núi với số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) theo Khế ước nhận nợ số 6600000724247681, hạn trả vào ngày 12/10/2030.

Tổng nợ vay hiện tại đến ngày 14/02/2023 là 120.027.945 đồng. Bằng chữ: (Một trăm hai mươi triệu không trăm hai mươi bảy nghìn chín trăm bốm mươi lăm đồng). Trong đó tiền gốc 120.000.000 đồng và tiền lãi: 27.945 đồng.

Nay Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Đ yêu cầu Tòa án buộc hộ vay là bà Rơ H và ông Liêng Y trả toàn bộ số nợ gốc là 120.000.000 đồng kèm theo lãi phát sinh trên cho Nhà nước.

Vụ án đã được Tòa án tiến hành hòa giải nhưng không hòa giải được do ông Liêng Y vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay đều đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn chưa chấp hành quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Rơ H về việc ly hôn với ông Liêng Y, giao cho bà Rơ H trực tiếp nuôi dưỡng bốn con chung là cháu Rơ A, sinh ngày 19/11/2013, cháu Rơ B, sinh ngày 30/6/2016, cháu Rơ C sinh ngày 20/5/2018 và cháu Rơ D sinh ngày 27/3/2021 cho đến khi các cháu trưởng thành, ông Liêng Y không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, hai bên tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không đề cập đến.Về nợ chung hai vợ chồng bà Rơ H và ông Liêng Y có nợ Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam - Phòng giao dịch ngân hàng chính sách xã hội huyện Đ số tiền 120.000.000 đồng, cần buộc ông Ha Y và bà H mỗi người trả ½ số nợ này cho Ngân hàng và lãi suất phát sinh theo hợp đồng vay đã ký.

Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Sau khi nghiên cứu, xem xét các chứng cứ tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] ***Về thủ tục tố tụng***: Bị đơn ông Liêng Y đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam - Phòng giao dịch ngân hàng chính sách xã hội huyện Đ vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên theo quy định tại khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Toà án tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

[2] ***Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án***: Bà Rơ H khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết ly hôn và trách nhiệm nuôi con chung, trả nợ chung nên xác định đây là vụ án "Ly hôn" thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án. Bị đơn ông Liêng Y cư trú tại thôn 3, xã S, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Do đó căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

[3] ***Về quan hệ hôn nhân***: Bà Rơ H và ông Liêng Y đã tự nguyện đi đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn nên xác định hôn nhân của bà H, ông Y là hợp pháp. Tuy nhiên, quá trình chung sống bà H, ông Y thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, bà H cho rằng ông Y thường xuyên uống rượu, say xỉn và về đánh đập bà, thậm chí dùng các dụng cụ nguy hiểm để đe dọa bà, xúc phạm danh dự và nhân phẩm của bà do đó dẫn đến tình cảm vợ chồng rạn nứt đến mức nghiêm trọng, không thể hàn gắn được và hiện nay ông Y thường xuyên vắng nhà, hai vợ chồng không còn tình cảm với nhau nữa. Lời khai của bà H là phù hợp với kết quả xác minh của Toà án về tình trạng hôn nhân giữa bà H và ông Y tại địa phương thôn 3,

xã S, huyện Đ. Trong quá trình giải quyết vụ án ông Y không chấp hành quy định của pháp luật tố tụng dân sự, không có mặt theo Giấy triệu tập của Tòa án, do đó Hội đồng xét xử đã có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Rơ H.

[4] ***Về con chung***: Bà H và ông Y có 04 con chung là cháu Rơ A, sinh ngày 19/11/2013, cháu Rơ B, sinh ngày 30/6/2016, cháu Rơ C sinh ngày 20/5/2018 và cháu Rơ D sinh ngày 27/3/2021. Xét thấy, hiện nay cả bốn cháu đang ở với mẹ, sinh sống, học tập ổn định tại địa phương, hiện nay ông Y thường xuyên vắng nhà, không thể chăm sóc con chung và cả bà H và ông Y đều có nghề nghiệp là làm nông, ngoài ra bà H còn làm thêm nhiều công việc khác để kiếm thêm thu nhập, trang trải cuộc sống, nuôi con ăn học và bà H có nguyện vọng tiếp tục nhận nuôi các con, theo nguyện vọng của con chung cháu A muốn ở với mẹ, bà H không yêu cầu ông Y phải cấp dưỡng nuôi con chung và nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà K'Hòa là phù hợp.

[5] ***Về tài sản chung***: Hai bên tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết nếu sau này phát sinh tranh chấp sẽ yêu cầu giải quyết bằng vụ kiện khác. Do đó, Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[6] ***Về nợ chung***: Bà Rơ H và ông Liêng Y có nợ Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam - Phòng giao dịch ngân hàng chính sách xã hội huyện Đ số tiền 120.000.000 đồng và lãi suất phát sinh.

Xác định tổng số nợ trên phát sinh trong thời kỳ hôn nhân và nhằm mục đích phục vụ nhu cầu gia đình nên cần buộc bà Rơ H và ông Liêng Y đều phải có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng, do đó buộc mỗi người phải trả cho Ngân hàng 60.000.000 đồng (120.000.000đ : 2) và lãi suất phát sinh theo hợp đồng vay vốn đã ký.

[7] ***Về án phí***: Áp dụng Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa XIV quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Bà Rơ H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với trách nhiệm trả nợ chung. Tuy nhiên, bà Rơ H là dân tộc thiểu số, sống tại thôn 3, xã S, huyện Đ, nơi đặc biệt khó khăn của tỉnh Lâm Đồng theo Quyết định 612/QĐ-UBDT ngày 16 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc và có đơn xin miễn án phí. Nên miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho bà H.

Ông Liêng Y phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với trách nhiệm trả nợ chung theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

## QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; khoản 1, Điều 35; 39, 144 và Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa XIV quy định về án phí, lệ phí Tòa án; **Xử**:

**1. Về quan hệ hôn nhân**: Bà Rơ H và ông Liêng Y được ly hôn.

**2. Về con chung**: Giao bốn con chung là cháu Rơ A, sinh ngày 19/11/2013, cháu Rơ B, sinh ngày 30/6/2016, cháu Rơ C sinh ngày 20/5/2018 và cháu Rơ D

sinh ngày 27/3/2021 cho bà Rơ H trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, ông Liêng Y không phải cấp dưỡng nuôi con.

*Quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi việc cấp dưỡng được thực hiện theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.*

**3. Về nợ chung**: Buộc bà Rơ H, ông Liêng Y mỗi người phải trả cho Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam - Phòng giao dịch ngân hàng chính sách xã hội huyện Đ số tiền 60.000.000 đồng và lãi suất phát sinh theo hợp đồng vay vốn đã ký.

**4. Về án phí**: Buộc nguyên đơn bà Rơ H phải nộp số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí bà H đã nộp theo biên lai thu tiền số 0010198 ngày 05 tháng 01 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Miễn án phí dân sự sơ thẩm đối với trách nhiệm trả nợ cho bà H. Do đó, bà H đã nộp đủ án phí.

Buộc ông Liêng Y phải nộp và 3.000.000 đồng án phí dân sự của vụ án.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

Nguyên đơn được quyền làm đơn kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử theo trình tự phúc thẩm. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt thì thời hạn tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt, niêm yết hợp lệ.

***Nơi nhận:***
*- TAND tỉnh Lâm Đồng;*
*- VKSND huyện Đ;*
*- CC THADS huyện Đ;*
*- UBND xã S, huyện Đ;*
*- Các đương sự;*
*- Lưu hồ sơ.*

***T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM***
***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa***

**Đỗ Thị Thúy Phượng**